

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/12/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Định**

Bà **Dương Thị Kim Hồng**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:***  
Ông **Nguyễn Văn Tường** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thùy D** – Sinh năm 1995

HKTT: Thôn K, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: Đội 11, thôn X, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** – Sinh năm 1993

HKTT và Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Vắng mặt.

3. Người làm chứng:

Bà **Nguyễn Thị Th** – Sinh năm 1963. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết*

hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã C) ngày 09/7/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian ngắn chung sống với nhau tại gia đình anh T nhưng không có hạnh phúc, do vợ chồng không hòa hợp. Hai tháng sau khi cưới thì anh T đi lao động ở nước ngoài không quan tâm tới chị, ngay cả khi sinh con anh T cũng không quan tâm. Đồng thời trong thời gian này nhiều người đến đòi nợ do anh Tú vay nợ trước đó và khi ở nước ngoài, mặc dù chị đã trả nợ hộ anh Tú nhưng số nợ quá lớn không trang trải hết. Trong khi đó anh T không quan tâm, không gửi tiền cho chị nuôi con. Do vậy chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 15/02/2019 hiện đang ở với chị D. Nay vợ chồng ly hôn chị có đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ anh T) thể hiện: Anh T hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, gia đình bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là do vợ chồng không hòa hợp, thường cãi nhau về kinh tế, không thống nhất được về chi tiêu tiền nong của vợ chồng, vợ chồng có nhiều lời lẽ khó nghe qua điện thoại sau đó chặn liên lạc của nhau. Nay chị D có đơn ly hôn anh T, gia đình đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình bà Thỏa cũng thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại và đã thông báo cho anh Tú biết việc chị D khởi kiện ly hôn. Anh T có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung, anh T nhất trí để chị D nuôi dưỡng, trong trường hợp chị D kết hôn với người khác hoặc không đủ điều kiện nuôi con thì anh Tú sẽ yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung không còn nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do dịch bệnh và công việc bận nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị D, anh T đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau khoảng hai tháng thì anh T đi nước ngoài lao động. Trong thời gian sinh sống với nhau do vợ chồng không hòa hợp nên xảy ra mâu thuẫn và chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở Hưng Yên sinh sống. Nay chị D có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị D vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D đề nghị giữ nguyên đối với yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS. Bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 82, 83

Luật HN&GD năm 2014, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xứ chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 15/2/2019 cho chị Dương chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Dương không yêu cầu anh Tú đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn (Chị D đã nộp).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn K, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Nhật Bản, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D và gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà Th vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh T biết việc chị D đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh Tú biết. Tại phiên tòa, anh Tú vắng mặt lần thứ hai và đề nghị giải quyết vắng mặt, chị D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Chí Minh), huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 09/7/2018, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được khoảng 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự hòa hợp trong cuộc sống cũng như trong việc quản lý tiền, kinh tế gia đình. Vợ chồng cũng không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Sau đó chị D về quê tại thành phố Hưng Yên sinh sống. Thông qua gia đình, anh Tú thông tin và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị D ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn T có một con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 15/02/2019. Hiện đang ở với chị D. HĐXX xét thấy hiện con chung còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), anh T cũng

nhất trí để chị D trực tiếp nuôi con. Do vậy, HĐXX chấp nhận giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng chị D không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh T có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật và được giải quyết trong vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị Thùy D** ly hôn anh **Nguyễn Văn T.**

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 15/02/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Dương không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Nguyễn Văn T thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006386 ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương(để ghi sổ hộ tịch);
- UBND phường L, TP H, tỉnh Hưng Yên.
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**